TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2020/HS-ST
Ngày 20 - 8 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Tiến Thịnh và bà Tô Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 104/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Văn Th, sinh ngày 07 tháng 6 năm 1985, tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn C, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Trần Đình L, (đã chết) và bà: Hoàng Thị K, sinh năm 1952; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Bản án số 01/2016/HSST ngày 04/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 15 tháng tù tính từ ngày 27/9/2015 về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hàng xong án phí ngày 12/9/2017, phần trách nhiệm dân sự người bị hại hiện nay chưa có đơn yêu cầu thi hành án; Bản án số 10/2016/HSST ngày 10/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt 15 tháng tù tính từ ngày 27/9/2015 về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp chung với bản án số 01/2016/HSST ngày 04/01/2016 hình phạt chung là 02 năm 06 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/3/2018, chấp hành xong nghĩa vụ dân sự ngày 12/9/2017; Bản án số 174/2018/HSST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tính từ ngày 10/8/2018. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/02/2020; chấp hành xong án phí ngày 14/01/2019; Tiền sự: Không; Nhân thân: Quyết định số 20/QĐ-CA ngày 13/12/2005 bị Trưởng Công an xã Vũ Hội, huyện Vũ

Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt hành chính hình thức Cảnh cáo về hành vi Trộm cắp tài sản. Đã tiến hành xác minh nhưng không thu được quyết định; Bản án số 28/2007/HSST ngày 28/02/2007 bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày 28/02/2007 về tội Trộm cắp tài sản, đã xác minh nhưng không thu được giấy chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong án phí ngày 14/9/2007; Bản án số 146/2007/HSST ngày 18/10/2007 bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt của bản án số 28/2007/HSST, hình phạt chung phải chấp hành là 15 tháng tù tính 13/7/2007 được khấu trừ 85 ngày tạm giam của bản án số 28/2007/HSST. Đã xác minh nhưng không thu được giấy chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong án phí ngày 24/12/2007, trách nhiệm dân sự người bị hại không có đơn yêu cầu thi hành án; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 173 QĐ/XPVPHC ngày 12/11/2008 của Công an thành phố Thái Bình xử phạt hình thức Cảnh cáo về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy; Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 12/01/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình áp dụng đưa vào cơ sở giáo dục thời gian 24 tháng. Chấp hành xong ngày 13/01/2011; Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 17/5/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình áp dụng đưa vào cơ sở giáo dục thời gian 24 tháng. Chấp hành xong ngày 26/5/2013; Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình áp dụng đưa vào cơ sở giáo dục thời gian 12 tháng. Chấp hành xong ngày 08/10/2014; Bị tạm giữ từ ngày 05/05/2020 đến ngày 08/05/2020 chuyển tạm giam đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình; có mặt.

- *Người chứng kiến:*

1. Ông Trịnh Quốc T1 sinh năm 1986; Trú tại số nhà 37, tổ 14, phường K 1, thành phố T; vắng mặt.

2. Anh Dương Ngọc H sinh năm 1985 trú tại số nhà 10, tổ 2, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 05/5/2020, Trần Văn Th đi bộ từ nhà ra khu vực ngõ 2, đường H1, tổ 4, phường Q, thành phố T để mua ma túy về sử dụng. Khi đi đến nơi Th gặp và mua của một người phụ nữ khoảng 30 tuổi, không biết tên, địa chỉ 01 gói ma túy giá 200.000 đồng, sau đó Th cầm gói ma túy ở tay phải đi tìm chỗ để sử dụng. Khoảng 09 giờ 30 phút khi Th đi đến khu vực ngõ 12, đường H1, tổ 11, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình thì bị tổ công tác của Công an thành phố T phát hiện yêu cầu kiểm tra. Trước sự chứng kiến của ông Trịnh Quốc T1 và ông Dương Ngọc H, Th đã tự giác đưa từ lòng bàn tay phải giao nộp 01gói bên ngoài được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ mở ra bên trong là chất bột màu trắng, dạng cục là ma túy, loại Heroine có khối lượng 0,1622 gam, tổ công tác niêm

phong gói ma túy nêu trên và yêu cầu Th cùng những người chứng kiến về trụ sở công an phường Q làm việc, qua kiểm tra không phát hiện thu giữ gì. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định số 152/KLGĐ- PC09 ngày 06/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Chất bột màu trắng dạng cục trong phong bì niêm phong ghi: "Vật chứng quản lý của Trần Văn Th là ma túy, loại Heroine (Hêrôin), có khối lượng 0,1622 gam"(không phẩy một nghìn sáu trăm hai mươi hai gam).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn Th không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình nêu trên.

Bản cáo trạng số 105/CT-VKSTPTB ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Trần Văn Th về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Th phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

* Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Trần Văn Th mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ từ ngày 05/5/2020.

- Hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, bị cáo mua ma túy về để sử dụng cho bản thân, không giao dịch để bán kiếm lời nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên trong có chứa ma túy hoàn trả sau giám định.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 05/05/2020 tại ngõ 12, đường H1, tổ 11, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình, Trần Văn Th có hành vi tàng trữ trái phép trên người 0,1622 gam ma túy, loại Hêrôin mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát hiện bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 09 giờ 45 phút ngày 05/5/2020 tại trụ sở Công an phường Q, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ lập hồi 10 giờ 40 phút ngày 05/5/2020 do Công an thành phố lập; Bản Kết luận giám định số 152/KLGĐ- PC09 ngày 06/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; lời khai của người chứng kiến; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroin, Cocain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.

...".

Như vậy có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Văn Th phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội, đi ngược lại với cuộc đấu tranh bài trừ tệ nạn ma túy. Vì vậy phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, đây là tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu và có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa, nên bị cáo bị áp dụng tính tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nhưng cũng xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo Trần Văn Th thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản",* do bị cáo tàng trữ ma túy nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, thu nhập của bị cáo không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo Trần Văn Th khối lượng 0,1622 gam ma túy loại hêrôin còn lại sau giám định là 0,1327 gam ma túy trong phong bì niêm phong số 152/KLGĐ-PC09 ngày 06/5/2020 là vật Nhà nước cấm lưu hành, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo Trần Văn Th khai mua của một người phụ nữ khoảng 30 tuổi, không biết tên, khu vực ngõ 2, đường H1, tổ 4, phường Q, thành phố T nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điều 106, 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Th phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn Th 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 05/5/2020.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy có trong 01 phong bì niêm phong số 152/KLGĐ mẫu vật hoàn trả sau giám định.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ngày 03 tháng 8 năm 2020).

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn Th phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/8/2020).

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền